| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẦN ĐỀ**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST<br>Ngày: 15 -11-2019<br>V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Trương Thái Ngọc**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Huỳnh Như Ý**.

2. Ông **Trần Hoàng Việt**.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà **Thạch Thị Sa The** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng*** *tham gia phiên toà:* Ông **Trần Văn Hướng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Sơn Thị H**, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Lý S**, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27-8-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Sơn Thị H trình bày:***

Vào năm 2012, bà Sơn Thị H và ông Lý S tự nguyện tổ chức làm lễ cưới theo phong tục truyền thống. Ngày 14 tháng 3 năm 2012 vợ chồng bà H ông S tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01/2012 ngày 14-3-2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà riêng ở ấp B, xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến

đầu năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và ông S thường xuyên đánh đập bà H. Ông S chỉ lo ăn chơi trai gái mà không lo cho gia đình. Hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà H ông S đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2014 đến nay. Trong thời gian chung sống, bà H ông S có một người con chung tên Lý Phi R, sinh ngày 15-01-2004. Hiện con chung đang do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, bà H xác định không có.

Nay bà Sơn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Lý S.

- Về quan hệ con chung: Bà Sơn Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lý Phi R, sinh ngày 15-01-2004 đến khi thành niên và không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung: Bà Sơn Thị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung đối với ông S.

- Về nợ chung: Bà Sơn Thị H xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung đối với ông S.

Kèm theo đơn khởi kiện bà Sơn Thị H đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận kết hôn 69, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 14-3-2012;

+ Bản sao chứng thực Giấy khai sinh số 97 quyển số 01/2012, ngày 14-3-2012 mang tên Lý Phi R, sinh ngày 15-01-2004;

* ***Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi ý kiến của Lý Phi R, sinh ngày 15-01-2004 để xem xét về nguyện vọng:***

Cháu Lý Phi R đã đưa ra nguyện vọng được sống với mẹ là bà Sơn Thị H khi cha mẹ ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Lý S. Nhưng ông Lý S thường xuyên không có mặt tại nhà nên có bà Huỳnh Thị Phên là mẹ ở cùng địa chỉ với ông S nhận thay các văn bản tố tụng. Do đó việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Sơn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lý S; Yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Lý Phi R, sinh ngày 15-01-2004 đến khi thành niên và không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá

trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Sơn Thị H và ông Lý S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Sơn Thị H cho vợ chồng bà H ông S ly hôn. Về con chung giao cho bà Sơn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và ông S không phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Sơn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 27-8-2019, bà Sơn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn với ông Lý S có nơi cư trú tại ấp M, xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Lý S vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Sơn Thị H:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012 bà Sơn Thị H và ông Lý S kết hôn theo phong tục truyền thống, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển 01/2012, ngày 14-3-2012. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Sơn Thị H và ông Lý S là hợp pháp.

[3.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng bà H ông S sống riêng tại ấp B, xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đến đầu năm 2014 vợ chồng mâu thuẫn và ông S đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp M, xã T. Từ tháng 4 năm 2014 bà H ông S đã sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân theo bà H trình bày là do vào đầu năm 2014 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, ông S chỉ lo ăn chơi, trai gái, không lo làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình, hôn nhân giữa bà H và ông S không còn hạnh phúc. Hội đồng xét xử thấy rằng: hôn nhân giữa bà H ông S mặc dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và sau đó là sống ly thân cho đến nay. Thời gian ly

thân vợ chồng cũng không tìm ra biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng cho đến nay. Tại phiên toà bà H khai không còn tình cảm với ông S và cương quyết xin ly hôn, ông S mặc dù chưa thể hiện ý kiến, nhưng thời gian ly thân cũng như quá trình Tòa án thu thập chứng cứ ông S bỏ mặc không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu mà nguyên đơn đưa ra. Điều đó chứng tỏ ông S không còn tha thiết gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó cuộc sống chung của bà H ông S không thể tiếp tục do không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị H cho bà H được ly hôn với ông Lý S.

[3.3] Về con chung: Theo giấy khai sinh và lời trình bày của bà Sơn Thị H xác định vợ chồng bà H ông S có một người con chung tên Lý Phi R, sinh ngày 15-01-2004 hiện đang được bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Nên có cơ sở xác định vợ chồng bà H ông S có một người con chung tên Lý Phi R, sinh ngày 15-01-2004. Bà Sơn Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lý Phi R, sinh ngày 15-01-2004 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Lý S phải cấp dưỡng cho con chung. Vấn đề này Hội đồng xét xử xét thấy rằng ông S từ khi thụ lý vụ án đến nay chưa thể hiện ý kiến. Hiện nay cháu Lý Phi R đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Từ khi cha mẹ ly thân nhau cho đến nay, cháu Lý Phi R chung sống với mẹ đã ổn định. Ông S từ lúc vợ chồng ly thân nhau cho đến nay ông không tới lui chăm sóc con, điều đó chứng tỏ ông không quan tâm đến việc nuôi dưỡng cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H giao cháu Lý Phi R cho bà Sơn Thị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

[3.4] Về cấp dưỡng: Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng do ông S là người không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở. Do bà Sơn Thị H xác định không yêu cầu ông Lý S phải cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nhưng ông S có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà Sơn Thị H xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Sơn Thị H xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Sơn Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Lý S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Sơn Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong

thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Lý S có quyền kháng cáo bản này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị H được ly hôn với ông Lý S. Quan hệ hôn nhân giữa bà Sơn Thị H ông Lý S theo giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01/2012, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 14-3-2012 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Lý Phi R, sinh ngày 15-01-2004 (hiện nay Lý Phi R đang sống chung với bà Sơn Thị H) cho bà Sơn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ông Lý S không phải cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Lý S mà không ai được cản trở. Ông Lý S không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Sơn Thị H.

3/ Về tài sản chung: Bà Sơn Thị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Sơn Thị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sơn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 00059180, ngày 03-9-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (bà H đã thực hiện xong). Ông Lý S không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Sơn Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Lý S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- UBND xã T ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Thái Ngọc**